

Bản án số: 245/2024/DSST

Ngày: 12-8-2024

V/v: Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2023/TLST-DS ngày 06/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: B Đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Khánh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Căn hộ C Chung cư M, khu phố P, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền số công chứng 006480 quyền số 08/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2023 tại Văn phòng C) (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Thái Minh S, sinh năm 1974; địa chỉ: E T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/8/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L do ông Lê Khánh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè quen biết, ngày 20/8/2022, ông S đề nghị được vay số tiền 200.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng sẽ hoàn trả lại nên ông S đã lập Giấy mượn tiền để làm tin cho việc vay tiền của ông D và bà L. Sau đó, do ông S không cần nhận một lần đủ 200.000.000 đồng nên ông Trần Văn D đã thực hiện chuyển khoản cho ông S số tiền nêu trên trong 04 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Ngày 20/8/2022, chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng;

Đợt 2: Ngày 23/8/2022, chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng;

Đợt 3: Ngày 26/8/2022, chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng;

Đợt 4: Ngày 27/8/2022, chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng.

Tiếp theo, ông Thái Minh S đã nhiều lần hỏi vay thêm của vợ chồng ông D, bà L do công việc kinh doanh đang gặp khó khăn, bị thiếu hụt vốn. Do là chỗ bạn bè quen biết, nên ông D và bà L nhiệt tình giúp đỡ, tiếp tục cho vay nhiều lần, cụ thể: Ngày 01/9/2022, chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 51.000.000 đồng; ngày 09/9/2022 chuyển khoản số tiền 52.000.000 đồng; ngày 12/9/2022, chuyển khoản số tiền 190.000.000 đồng; ngày 17/9/2022, chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng; ngày 20/9/2022, chuyển khoản số tiền 130.000.000 đồng; ngày 11/10/2022 chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng; ngày 19/10/2022, chuyển khoản số tiền 155.000.000 đồng; ngày 03/11/2022, chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy, từ ngày 20/8/2022 đến ngày 03/11/2022, ông D đã thực hiện chuyển khoản cho ông S tổng cộng 14 lần với tổng số tiền 968.000.000 đồng vào tài khoản số 060265037030 tại Ngân hàng S1, chủ tài khoản là ông Thái Minh S.

Sau đó, ông D và bà L nhiều lần yêu cầu ông S trả lại số tiền đã cho vay nêu trên, tuy nhiên ông S không có thiện chí thực hiện. Ngày 08/4/2023, vợ chồng ông D bà L đã gửi Thông báo đòi nợ đề ngày 08/4/2023 cho ông Thái Minh S, yêu cầu ông S phải thực hiện thanh toán toàn bộ số nợ 968.000.000 đồng chậm nhất là 17 giờ 00 phút ngày 08/5/2023. Sự việc trên do Văn phòng T1, Thành phố Hồ Chí Minh lập Vi bằng ghi nhận lại.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn theo Thông báo nêu trên, ông S vẫn không thanh toán số tiền nợ cho ông D và bà L, đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ngày 02/5/2024 nguyên đơn là ông D, bà L đã có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do giao dịch thứ 14 vào ngày 03/11/2022 là chuyển vào tài khoản ông Nguyễn Minh D1 theo yêu cầu của ông Thái Minh S nhưng hiện nay ông Trần Văn D không còn lưu giữ tin nhắn làm chứng cứ. Do đó, ông D, bà L đã rút lại yêu cầu khởi kiện liên quan đến giao dịch thứ 14 vào ngày 03/11/2022 nêu trên.

Do thời điểm vay tiền bị đơn vay vì mục đích cá nhân, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông S thanh toán số tiền vay nêu trên.

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và các bản tự khai, ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L có người đại diện hợp pháp là ông Lê Khánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Minh S phải thanh toán một lần cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc đã vay là 888.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 09/5/2023 đến ngày 12/8/2024 là 111.973.151 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 999.973.151 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng).

Tại phiên tòa, ông Lê Khánh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Thái Minh S vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần nguyên đơn xin rút.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Thái Minh S thanh toán số tiền 999.973.151 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 888.000.000 đồng và chịu lãi chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm là 111.973.151 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện buộc ông Thái Minh S trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay ngày 20/8/2022 và các lần chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Thái Minh S, sinh năm 1974 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ E T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Giấy ủy quyền số công chứng 006480 quyền số 08/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2023 tại Văn phòng C của nguyên đơn ủy quyền cho ông Lê Khánh T để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Xét, việc nguyên đơn ủy quyền cho bà ông T thay mặt họ tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng

dân sự 2015 nên cần được chấp nhận. Ngày 05/8/2024, ông Lê Khánh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đối với bị đơn ông Thái Minh S mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập họp lệ bị đơn lên Tòa để giải quyết vụ án cũng như để tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 15/7/2024, lần thứ hai vào ngày 12/8/2024 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán tiền gốc do vi phạm nghĩa vụ

Vào ngày 20/8/2022, ông Thái Minh S có lập giấy mượn tiền của ông Trần Văn D số tiền 200.000.000 đồng, không có lãi, với thời hạn 03 tháng, đến ngày 20/11/2022 ông S phải có nghĩa vụ trả lại cho ông D số tiền 200.000.000 đồng. Ông D đã giao tiền cho ông S bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 060265037030 do ông Thái Minh S mở tại Ngân hàng TMCP S2 – Phòng G. Cụ thể ngày 20/8/2022 chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng; ngày 23/8/2022 chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng; ngày 26/8/2022, chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng; ngày 27/8/2022, chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó ông D tiếp tục cho ông S mượn thêm tiền, cụ thể ngày 01/9/2022 chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 51.000.000 đồng, ngày 09/9/2022 chuyển khoản số tiền 52.000.000 đồng, ngày 12/9/2022 chuyển khoản số tiền 190.000.000 đồng, ngày 17/9/2022 chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 chuyển khoản số tiền 130.000.000 đồng, ngày 11/10/2022 chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, ngày 19/10/2022 chuyển khoản số tiền 155.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 20/8/2022 đến ngày 19/10/2022, ông D đã thực hiện chuyển khoản cho ông S tổng cộng 13 lần với tổng số tiền 888.000.000 đồng vào tài khoản của ông Thái Minh S số 060265037030 mở tại Ngân hàng TMCP S2.

Tại Công văn số 118/2024/CV-Gò Mây ngày 24/7/2024 của Ngân hàng TMCP S2 – Phòng giao dịch G trả lời xác minh cho Tòa án nhân dân Quận 6 xác định ông Thái Minh S có mở tài khoản số 060265037030 tại S1 – Phòng G và cung cấp sao kê chi tiết các giao dịch của ông Thái Minh S, trong đó vào ngày 20/8/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng, ngày 23/8/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng, ngày 26/8/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng, ngày 27/8/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng, ngày 01/9/2022 được nhận chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 51.000.000 đồng, ngày 09/9/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 52.000.000 đồng, ngày 12/9/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 190.000.000 đồng, ngày 17/9/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 130.000.000 đồng, ngày 11/10/2022 được nhận chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, ngày 19/10/2022 được nhận chuyển khoản số tiền 155.000.000 đồng, nội dung diễn giải: CT tu 0071001606053 TRAN VAN DUNG toi 06025037030 THAI MINH SANG (S1) Sai Gon thuong tin.

Đối chiếu Công văn số 118/2024/CV-Gò Mây ngày 24/7/2024 của Ngân hàng TMCP S2 – Phòng giao dịch G với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phù hợp, mặc dù nội dung các lần chuyển khoản không ghi rõ việc ông D cho ông

S mượn tiền, tuy nhiên căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 20/8/2022 có chữ viết và chữ ký của ông Thái Minh S thể hiện ông S có mượn tiền của ông D, việc chuyển tiền từ tài khoản ông D qua tài khoản của ông S là phù hợp và có cơ sở chấp nhận. Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch cho vay tiền nêu trên giữa ông D và ông S là có thật, các bên xác lập giao dịch trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên được coi là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Thái Minh S nhưng ông S vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ông S đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn ông Thái Minh S đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Thái Minh S phải thanh toán số tiền gốc 888.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ

[3.2.1] Về thời gian bắt đầu tính lãi chậm trả

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với giấy mượn tiền ngày 20/8/2022 nội dung thể hiện thời hạn mượn tiền là 03 tháng, cụ thể đến ngày 20/11/2022 ông S phải có nghĩa vụ trả lại cho ông D số tiền 200.000.000 đồng nên đây là hợp đồng có kỳ hạn.

Đối với các lần ông D cho ông S mượn tiền bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể các lần chuyển khoản ngày 01/9/2022, ngày 09/9/2022, ngày 12/9/2022, ngày 17/9/2022, ngày 20/9/2022, ngày 11/10/2022; ngày 19/10/2022 không ghi rõ thời hạn mượn tiền nên đây là hợp đồng không kỳ hạn.

Ngày 08/4/2023 ông D bà L đã gửi Thông báo đòi nợ đề ngày 08/4/2023 cho ông Thái Minh S, yêu cầu ông S phải thực hiện thanh toán toàn bộ số nợ là 968.000.000 đồng chậm nhất là 17 giờ 00 phút ngày 08/5/2023. Sự việc trên do Văn phòng T1, Thành phố Hồ Chí Minh lập Vi bằng ghi nhận lại. Tuy nhiên, quá thời hạn nói trên ông S vẫn không thực hiện việc thanh toán số tiền nêu trên cho ông D, bà L nên ông D, bà L yêu cầu ông S phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thanh toán trên tổng số tiền chưa thanh toán (bao gồm cả số tiền trong hợp đồng vay ngày 20/8/2022 và các lần chuyển khoản ngày 01/9/2022, ngày 09/9/2022, ngày 12/9/2022, ngày 17/9/2022, ngày 20/9/2022, ngày 11/10/2022; ngày 19/10/2022) bắt đầu từ ngày 09/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/8/2024).

Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

“3. “Thời gian chậm trả” hướng dẫn tại các Điều 3, 4, 5 Nghị quyết này được xác định:

a) Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo”.

Hội đồng xét xử xét thấy về thời gian bắt đầu tính lãi chậm trả như yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận.

[3.2.2] Về mức lãi suất áp dụng tính lãi chậm trả

Xét, nguyên đơn yêu cầu lãi suất áp dụng tính lãi chậm trả là 10%/năm.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định như sau:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật này”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này (20%/năm). Như vậy mức lãi suất chậm trả được xác định là 10%/năm.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả là 111.973.151 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về rút một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Ngày 02/5/2024 nguyên đơn ông D, bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với giao dịch lần thứ 14 ngày 03/11/2022 mà ông D đã chuyển khoản cho ông S số tiền 80.000.000 đồng. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Thái Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117; khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L: Buộc ông Thái Minh S có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tính đến ngày 12/8/2024 là 999.973.151 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), trong đó tiền gốc là 888.000.000đ (tám trăm tám mươi tám triệu đồng), tiền lãi do chậm trả là 111.973.151đ (một trăm mười một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) trong lần chuyển khoản ngày 03/11/2022.

3. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Thái Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.999.195đ (bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn một trăm chín mươi lăm đồng) đối với yêu cầu trả nợ của ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án chấp nhận;

4.2. Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.943.500 đồng (Hai mươi triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn năm

trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0038526 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Thái Minh S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Mai Thị Công Hoa